

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 581/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 12 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyền;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-HN, ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Ánh T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp A1, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lê Thị Ánh T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Đình C (sau đây gọi anh C) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong tất cả mọi công việc, anh C không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải

hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2019. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh C.

-Về con chung: có một người con chung tên Nguyễn Đình Kim N (nữ), sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015.

Từ khi ly thân đến nay, con sống với chị, nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chưa yêu cầu anh C cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Đình C vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Đình C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh C.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, đến ngày 29 tháng 12 năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: chị và anh C trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2019; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, anh C vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: có một người con chung, xét từ khi ly thân đến nay thì cháu N được sống với chị T, chị cũng đồng ý được tiếp tục nuôi cháu N, xét

cháu N có cuộc sống ổn định với chị T, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu cần tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh C có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh C mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ánh T và anh Nguyễn Đình C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Kim N (nữ), sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015 cho chị Lê Thị Ánh T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi anh C, chị T có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Đình C chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Đình C mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Ánh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005826, ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã T, h. H. t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm